

## Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



# Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 35

# Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 2100274872 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp ngày 9 tháng 5 năm 2003 và GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 17 ngày 6 tháng 1 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCKHN") với mã TVP theo Quyết định số 589/QĐ-SGDHN do SGDCKHN cấp ngày 9 tháng 8 năm 2017.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu thuốc, hóa dược, dược liệu; đồ uống không cồn và nước khoáng; bán buôn đồ dùng khác cho gia đình và bán buôn đồ uống.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 27 Nguyễn Chí Thanh, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai mươi một (21) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau của Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đắc Hải	Chủ tịch	
Ông Hà Ngọc Sơn	Thành viên	
Ông Trần Lê Nam	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
Ông Trần Thái Tùng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Mai Văn Sáu	Trưởng ban	bỏ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
Bà Lê Thị Tuyết Mai	Thành viên	
Ông Lê Văn Khởi	Thành viên	
Ông Hàng Phúc Lâm	Thành viên	miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
Bà Dương Thu Hương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hà Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Tâm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đắc Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thành Sĩ	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hồng Cẩm	Giám đốc Tài chính/ Kế toán trưởng	bỏ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2023

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Hà Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đắc Hải	Phó Tổng Giám đốc

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 15 trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đề ngày 25 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Hà Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 12239608/66926283-LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm (“Công ty”) được lập ngày 25 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### ***Vấn đề khác***

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 chưa được soát xét.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2787-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>535.412.128.692</b>	<b>497.392.889.396</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>41.439.424.361</b>	<b>102.772.755.995</b>
111	1. Tiền		21.439.424.361	32.772.755.995
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	70.000.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>307.347.150.933</b>	<b>219.392.834.928</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	109.858.794.028	113.277.612.673
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	90.408.040.283	24.886.903.421
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	110.537.609.365	88.537.609.365
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	5.618.241.435	1.632.829.596
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 8, 9	(12.285.598.529)	(12.285.598.529)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý	9	3.210.064.351	3.343.478.402
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>180.461.732.424</b>	<b>170.489.379.742</b>
141	1. Hàng tồn kho		180.461.732.424	170.489.379.742
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>6.163.820.974</b>	<b>4.737.918.731</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	4.662.078.940	2.525.226.968
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	1.501.742.034	2.212.691.763
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>214.564.616.734</b>	<b>179.689.643.106</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>60.709.913.144</b>	<b>60.659.413.144</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	60.709.913.144	60.659.413.144
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>38.641.158.671</b>	<b>38.112.674.967</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	32.765.036.292	33.697.230.412
222	Nguyên giá		155.169.632.556	154.053.926.810
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(122.404.596.264)	(120.356.696.398)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	5.876.122.379	4.415.444.555
228	Nguyên giá		9.534.367.123	7.983.967.123
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.658.244.744)	(3.568.522.568)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>90.413.945.661</b>	<b>54.962.289.822</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	90.413.945.661	54.962.289.822
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>22.000.000.000</b>	<b>22.000.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	15	22.000.000.000	22.000.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.799.599.258</b>	<b>3.955.265.173</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	2.799.599.258	3.955.265.173
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>749.976.745.426</b>	<b>677.082.532.502</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

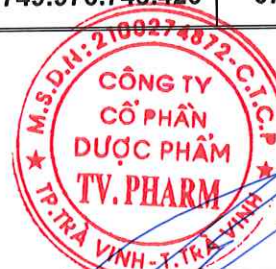
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>313.730.700.561</b>	<b>267.198.790.173</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>248.141.521.532</b>	<b>263.672.666.520</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	88.315.160.096	109.224.813.384
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	2.816.712.873	21.012.308.541
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	10.190.125.190	27.239.546.166
314	4. Phải trả người lao động		22.971.661.467	27.742.809.432
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	39.638.030.278	22.972.797.841
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	4.406.230.900	5.051.960.998
320	7. Vay ngắn hạn	21	72.206.275.596	48.376.119.382
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.15	7.597.325.132	2.052.310.776
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>65.589.179.029</b>	<b>3.526.123.653</b>
341	1. Vay dài hạn	21	65.057.993.176	2.853.337.800
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	3.12	531.185.853	672.785.853
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>22</b>	<b>436,246,044,865</b>	<b>409.883.742.329</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>436.246.044.865</b>	<b>409.883.742.329</b>
411	1. Vốn cổ phần		294.935.290.000	294.935.290.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		294.935.290.000	294.935.290.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.063.108.125	3.063.108.125
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.540.000)	(1.540.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		98.917.531.288	866.096.003
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		39.331.655.452	111.020.788.201
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế tới cuối kỳ trước		-	4.159.421.088
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ		39.331.655.452	106.861.367.113
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>749.976.745.426</b>	<b>677.082.532.502</b>



Nguyễn Thị Hồng Cẩm  
Người lập/Kế toán trưởng

Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023



Hà Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)
01	1. Doanh thu bán hàng	23.1	571.056.909.831	487.633.583.223
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(1.324.642.786)	(404.037.948)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	23.1	569.732.267.045	487.229.545.275
11	4. Giá vốn hàng bán	24	(416.738.261.242)	(358.811.269.712)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		152.994.005.803	128.418.275.563
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	7.484.301.824	3.219.528.015
22 23	7. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	25	(7.437.878.727) (1.908.076.193)	(5.614.461.439) (728.487.294)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(80.986.863.355)	(62.171.761.155)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(23.583.479.442)	(17.777.514.510)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		48.470.086.103	46.074.066.474
31	11. Thu nhập khác	27	1.189.981.959	962.114.190
32	12. Chi phí khác		(189.836.326)	(145.033.112)
40	13. Lợi nhuận khác		1.000.145.633	817.081.078
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		49.470.231.736	46.891.147.552
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(10.138.576.284)	(9.400.148.649)
60	16. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		39.331.655.452	37.490.998.903



Nguyễn Thị Hồng Cẩm  
Người lập/Kế toán trưởng



Hà Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>49.470.231.736</b>	<b>46.891.147.552</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	3.754.546.243	3.193.091.408
03	Hoàn nhập dự phòng		(141.600.000)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.287.043.711)	(2.599.725.639)
06	Chi phí lãi vay	25	1.908.076.193	728.487.294
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>50.704.210.461</b>	<b>48.213.000.615</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		18.006.959.856	(59.997.446.314)
10	Tăng hàng tồn kho		(9.972.352.682)	(8.760.186.306)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(27.811.175.251)	67.936.824.135
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(981.186.057)	1.331.414.446
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.908.076.193)	(728.487.294)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(27.233.716.591)	(6.000.453.092)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.424.338.560)	(10.153.051.470)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(6.619.675.017)</b>	<b>31.841.614.720</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(119.552.939.497)	(4.483.524.630)
23	Tiền chi cho vay	7	(22.000.000.000)	(5.500.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay	7	-	2.000.000.000
27	Lãi tiền gửi và cho vay		804.471.290	2.930.504.866
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(140.748.468.207)</b>	<b>(5.053.019.764)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	21	233.748.911.931	167.470.612.624
34	Tiền trả nợ gốc vay	21	(147.714.100.341)	(167.554.854.909)
36	Cổ tức đã trả	22.4	-	(17.404.387.760)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>86.034.811.590</b>	<b>(17.488.630.045)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(61.333.331.634)	9.299.964.911
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		102.772.755.995	20.273.488.432
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	41.439.424.361	29.573.453.343



Nguyễn Thị Hồng Cẩm  
Người lập/Kế toán trưởng

Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023



Hà Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ Phần Dược phẩm TV.Pharm ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 2100274872 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp ngày 9 tháng 5 năm 2003, và GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 17 ngày 6 tháng 1 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCKHN") với mã TVP theo Quyết định số 589/QĐ-SGDHN do SGDCKHN cấp ngày 9 tháng 8 năm 2017.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu thuốc, hóa dược, dược liệu; đồ uống không cồn và nước khoáng; bán buôn đồ dùng khác cho gia đình và bán buôn đồ uống.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 27 Nguyễn Chí Thanh, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai mươi một (21) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau của Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 873 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 816).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 15. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đề ngày 25 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**2.6 Thông tin so sánh**

Các dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được trình bày cho mục đích so sánh và chưa được soát xét.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và các hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.4. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.5. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6. Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	32 - 50 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3 năm
Phần mềm kế toán	5 - 6 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 17 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 9 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	6 năm

**3.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và được đưa vào hoạt động.

**3.8. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.9. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.10. Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12. Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

**3.13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.14. Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.15. Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.17. Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17. Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.18. Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Tiền mặt	349.308.924	638.054.400
Tiền gửi ngân hàng	21.090.115.437	32.134.701.595
Các khoản tương đương tiền (*)	20.000.000.000	70.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>41.439.424.361</b>	<b>102.772.755.995</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 4,3%/năm (Năm 2022: Số dư này thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,0%/năm đến 6,0%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu từ khách hàng	107.994.739.519	107.424.977.461
Phải thu từ bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 30</i> )	1.864.054.509	5.852.635.212
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>109.858.794.028</b>	<b>113.277.612.673</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(9.194.597.930)	(9.194.597.930)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>100.664.196.098</b>	<b>104.083.014.743</b>

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi:*

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	9.194.597.930	9.560.740.928

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trả trước cho người bán	76.108.040.283	10.586.903.421
<i>Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa</i>	13.057.383.255	-
<i>ACG Pam Pharma Technologies</i>		
<i>Private Limited</i>	12.477.492.300	-
<i>Formapharm Engineering Group</i>	-	3.372.668.250
<i>Công ty Cổ phần Hưng Thành C&amp;T</i>	2.013.868.000	2.857.400.000
<i>Khác</i>	48.559.296.728	4.356.835.171
Trả trước cho bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 30</i> )	14.300.000.000	14.300.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>90.408.040.283</b>	<b>24.886.903.421</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 2023
Công ty Cổ Phần Aikya	88.537.609.365	22.000.000.000	-	110.537.609.365

Chi tiết khoản cho bên liên quan vay tín chấp ngắn hạn như sau:

Bên liên quan	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
Công ty Cổ phần Aikya (Thuyết minh số 30)	110.537.609.365	Từ ngày 28 tháng 9 năm 2023 đến ngày 29 tháng 11 năm 2023	7,0 - 7,5

**8. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.618.241.435</b>	<b>1.632.829.596</b>
Lãi cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 30)	4.030.344.606	542.199.268
Tạm ứng cho nhân viên	1.343.318.212	760.070.190
Ký quỹ, ký cược	39.662.910	20.731.139
Khác	204.915.707	309.828.999
<b>Dài hạn</b>	<b>60.709.913.144</b>	<b>60.659.413.144</b>
Tạm ứng cho cá nhân (*)	60.000.000.000	60.000.000.000
Ký quỹ, ký cược	709.913.144	659.413.144
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>66.328.154.579</b>	<b>62.292.242.740</b>
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(85.232.572)	(85.232.572)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>66.242.922.007</b>	<b>62.207.010.168</b>

(\*) Số dư này thể hiện khoản ủy thác cho một cá nhân nhằm mục đích đầu tư vào các công ty ngành dược, công ty ngành năng lượng, công ty phát triển Bất động sản tại Việt Nam trong thời hạn là 3 năm kể từ khi Thỏa thuận số 2411/2011/TVP-NNT được ký ngày 24 tháng 11 năm 2022. Theo đó, cá nhân này phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền này cộng với một khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất áp dụng tính trên số tiền chưa thực hiện đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ**

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu trình dược viên	3.210.064.351	(3.005.768.027)	3.237.410.351	(3.005.768.027)
Hàng tồn kho thiếu chờ xử lý	-	-	106.068.051	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.210.064.351</u></b>	<b><u>(3.005.768.027)</u></b>	<b><u>3.343.478.402</u></b>	<b><u>(3.005.768.027)</u></b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng tài sản thiếu chờ xử lý khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (chưa được soát xét)	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>3.005.768.027</u>	<u>2.878.887.530</u>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Nguyên vật liệu	77.129.833.787	108.536.924.755
Thành phẩm	73.775.090.918	48.738.469.251
Hàng mua đang đi trên đường	14.998.403.800	774.506.610
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.416.304.571	10.141.391.336
Hàng hóa	4.142.099.348	2.298.087.790
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>180.461.732.424</u></b>	<b><u>170.489.379.742</u></b>

Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho với giá trị là 36.500.000.000 VND để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 21).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND			
	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	6.369.056.305	885.378.818	729.532.000	7.983.967.123
Mua mới trong kỳ	-	-	1.550.400.000	1.550.400.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	6.369.056.305	885.378.818	2.279.932.000	9.534.367.123
<i>Trong đó:</i> <i>Đã hao mòn hết</i>	-	885.378.818	729.532.000	1.614.910.818
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	(1.953.611.750)	(885.378.818)	(729.532.000)	(3.568.522.568)
Hao mòn trong kỳ	(63.882.176)	-	(25.840.000)	(89.722.176)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	(2.017.493.926)	(885.378.818)	(755.372.000)	(3.658.244.744)
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	4.415.444.555	-	-	4.415.444.555
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	4.351.562.379	-	1.524.560.000	5.876.122.379
<i>Trong đó:</i> <i>Tài sản sử dụng để</i> <i>thế chấp</i> <i>(Thuyết minh số 21)</i>	4.351.562.379	-	-	4.351.562.379

## Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	36.555.208.696	93.265.654.773	20.827.960.969	3.344.602.372	60.500.000	154.053.926.810
Mua trong kỳ	-	2.397.403.773	340.799.091	-	-	2.738.202.864
Thanh lý	-	(929.056.319)	(401.040.770)	(292.400.029)	-	(1.622.497.118)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	36.555.208.696	94.734.002.227	20.767.719.290	3.052.202.343	60.500.000	155.169.632.556
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	19.026.704.846	59.251.769.140	6.948.720.402	2.205.974.979	60.500.000	87.493.669.367
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	(29.668.917.161)	(75.547.641.217)	(12.500.764.339)	(2.578.873.681)	(60.500.000)	(120.356.696.398)
Khấu hao trong kỳ	(698.697.902)	(2.088.145.341)	(809.059.793)	(68.921.031)	-	(3.664.824.067)
Thanh lý	-	929.056.319	395.467.853	292.400.029	-	1.616.924.201
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	(30.367.615.063)	(76.706.730.239)	(12.914.356.279)	(2.355.394.683)	(60.500.000)	(122.404.596.264)
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	6.886.291.535	17.718.013.556	8.327.196.630	765.728.691	-	33.697.230.412
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	6.187.593.633	18.027.271.988	7.853.363.011	696.807.660	-	32.765.036.292

Trong đó:

Tài sản sử dụng  
để thế chấp  
(Thuyết minh số 21)

3.404.646.312

3.404.646.312

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Dự án nhà máy Dược phẩm GMP-EU	48.365.991.969	19.044.732.432
Hạng mục cụm Công nghiệp Tân Ngãi	39.726.912.329	33.892.330.965
Hạng mục khác	2.321.041.363	2.025.226.425
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>90.413.945.661</b>	<b>54.962.289.822</b>

Các tài sản gắn liền với dự án nhà máy Dược phẩm GMP-EU được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn ngân hàng (*Thuyết minh số 21.2*).

Trong kỳ, Công đã vốn hóa chi phí lãi vay với tổng số tiền là 1.406.771.393 VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5.628.502 VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến khoản vay nhằm tài trợ cho việc xây dựng dự án nhà máy Dược phẩm GMP-EU đang triển khai của Công ty.

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.662.078.940</b>	<b>2.525.226.968</b>
Chi phí thuê	2.102.805.789	954.166.665
Phí dịch vụ mua ngoài	794.235.858	1.233.171.922
Công cụ, dụng cụ	505.569.493	225.516.195
Khác	1.259.467.800	112.372.186
<b>Dài hạn</b>	<b>2.799.599.258</b>	<b>3.955.265.173</b>
Chi phí phát triển sản phẩm	1.800.000.002	2.000.000.000
Chi phí kiểm nghiệm	947.865.091	1.353.341.281
Khác	51.734.165	601,923,892
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.461.678.198</b>	<b>6.480.492.141</b>

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Tên công ty	Tình trạng	Hoạt động chính	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2023	
			Giá trị (VND)	% sở hữu và biểu quyết
Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm Công nghệ cao TVP	Chưa hoạt động	Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu thuốc, hóa dược, dược liệu	22.000.000.000	100



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả cho người bán	86.356.815.404	109.224.813.384
<i>Act Activites Chimiques Et Therapeutiques     Laboratoires Sarl</i>	11.666.735.000	-
<i>Aurobindo Pharma Limited</i>	14.998.403.800	-
<i>The United Laboratories (Inner Mongolia)     Co.,Ltd</i>	-	17.344.800.000
<i>Khác</i>	59.691.676.604	91.880.013.384
Phải trả cho bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 30</i> )	1.958.344.692	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>88.315.160.096</b>	<b>109.224.813.384</b>

**17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Typical Medical for Importing Drug and Medical Republic of Yemen	782.037.147	782.037.147
Công ty Cổ phần Dược phẩm Medisun	687.925.098	-
Rahman Sehat Ltd	379.410.658	51.176.189
Công ty Cổ phần Dược phẩm Laduca	294.294.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương VIDIPHA	-	20.018.691.000
Khác	673.045.970	160.404.205
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.816.712.873</b>	<b>21.012.308.541</b>

**18. THUẾ**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	2.212.691.763	29.416.000.085	(30.126.949.814)	1.501.742.034
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.233.716.591	10.138.576.284	(27.233.716.591)	10.138.576.284
Thuế giá trị gia tăng	-	47.208.524.010	(47.208.524.010)	-
Thuế thu nhập cá nhân	5.829.575	3.785.415.892	(3.782.766.282)	8.479.185
Thuế khác	-	923.052.471	(879.982.750)	43.069.721
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.239.546.166</b>	<b>62.055.568.657</b>	<b>(79.104.989.633)</b>	<b>10.190.125.190</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	38.868.566.163	21.767.186.176
Khác	769.464.115	1.205.611.665
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>39.638.030.278</u></b>	<b><u>22.972.797.841</u></b>

**20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Thuế thu nhập cá nhân hoàn lại cho nhân viên	3.020.043.701	3.623.535.753
Nhận ký quỹ, ký cược	1.072.910.087	1.172.910.087
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	208.350.285
Khác	313.277.112	47.164.873
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.406.230.900</u></b>	<b><u>5.051.960.998</u></b>

## Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 21. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>48.376.119.382</b>	<b>171.544.256.555</b>	<b>(147.714.100.341)</b>	<b>72.206.275.596</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	48.376.119.382	171.544.256.555	(147.714.100.341)	72.206.275.596
<b>Dài hạn</b>	<b>2.853.337.800</b>	<b>62.204.655.376</b>	<b>-</b>	<b>65.057.993.176</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.2)	2.853.337.800	62.204.655.376	-	65.057.993.176
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>51.229.457.182</b>	<b>233.748.911.931</b>	<b>(147.714.100.341)</b>	<b>137.264.268.772</b>

#### 21.1 Vay ngắn hạn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo	Mục đích
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh	35.562.912.244	Từ ngày 31 tháng 10 năm 2023 đến ngày 5 tháng 12 năm 2023	6,3 – 7,0	Nhà cửa và quyền quyền sử dụng đất (Thuyết minh số 11 và 12)	Bổ sung vốn lưu động
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh	29.344.364.897	Từ ngày 24 tháng 9 năm 2023 đến ngày 1 tháng 11 năm 2023	6,2 – 7,0	Nhà cửa và quyền sử dụng đất (Thuyết minh số 11 và 12) và hàng tồn kho (Thuyết minh số 10)	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh	7.298.998.455	Từ ngày 21 tháng 9 năm 2023 đến ngày 28 tháng 9 năm 2023	7,0	Tin chấp	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>72.206.275.596</b>				

## Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 21. VAY (tiếp theo)

#### 21.2 Vay dài hạn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo	Mục đích
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh	VND <u>65.057.993.176</u>	Ngày 23 tháng 12 năm 2032	Lãi suất cơ bản + 2,5%	Tài sản trên đất của Nhà máy Dược phẩm GMP-EU (Thuyết minh số 13)	Đầu tư xây dựng nhà máy Dược phẩm GMP-EU

## Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	110.879.360.000	3.063.108.125	(1.540.000)	140.571.366.003	80.487.629.515	334.999.923.643
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	37.490.998.903	37.490.998.903
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(15.345.644.427)	(15.345.644.427)
Cổ tức bằng tiền đã công bố	-	-	-	-	(16.631.904.000)	(16.631.904.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	110.879.360.000	3.063.108.125	(1.540.000)	140.571.366.003	86.001.079.991	340.513.374.119
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	294.935.290.000	3.063.108.125	(1.540.000)	866.096.003	111.020.788.201	409.883.742.329
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	39.331.655.452	39.331.655.452
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	98.051.435.285	(98.051.435.285)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	(12.969.352.916)	(12.969.352.916)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	294.935.290.000	3.063.108.125	(1.540.000)	98.917.531.288	39.331.655.452	436.246.044.865

(\*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2023/NQ.ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 đã thông qua việc trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi với giá trị lần lượt là 98.051.435.285 VND và 12.969.352.916 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**22.2 Chi tiết vốn cổ phần**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Vốn cổ phần	% sở hữu	Vốn cổ phần	% sở hữu
	VND		VND	
Công ty Cổ phần Dược Aikya	266.754.800.000	90,4	254.905.800.000	86,4
Cổ đông khác	28.180.490.000	9,6	40.029.490.000	13,6
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>294.935.290.000</b>	<b>100</b>	<b>294.935.290.000</b>	<b>100</b>

**22.3 Cổ phiếu**

	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
	VND	
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>29.493.529</b>	<b>29.493.529</b>
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>29.493.529</b>	<b>29.493.529</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	29.493.529	29.493.529
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>154</b>	<b>154</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	154	154
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>29.493.375</b>	<b>29.493.375</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	29.493.375	29.493.375

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

**22.4 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)
<b>Vốn cổ phần</b>		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	294.935.290.000	110.879.360.000
<b>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong kỳ</b>		
Cổ tức đã công bố	-	16.631.904.000
Cổ tức đã trả	-	17.404.387.760

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. DOANH THU**

**23.1 Doanh thu bán hàng**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>571.056.909.831</b>	<b>487.633.583.223</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	342.247.681.416	289.131.274.112
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	228.809.228.415	198.502.309.111
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(1.324.642.786)</b>	<b>(404.037.948)</b>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(712.232.186)	(404.037.948)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(612.410.600)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>569.732.267.045</b>	<b>487.229.545.275</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	341.116.564.011	288.799.882.438
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	228.615.703.034	198.429.662.837
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cho bên khác</i>	548.556.210.999	466.535.296.348
<i>Doanh thu cho các bên liên quan     (Thuyết minh số 30)</i>	21.176.056.046	20.694.248.927

**23.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)
Lãi tiền gửi và cho vay	4.292.616.628	2.599.725.639
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.191.685.196	619.802.376
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.484.301.824</b>	<b>3.219.528.015</b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)
Giá vốn thành phẩm	196.681.515.763	167.290.588.628
Giá vốn hàng hóa	220.056.745.479	191.520.681.084
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>416.738.261.242</b>	<b>358.811.269.712</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)</i>
		VND
Chiết khấu thanh toán	4.572.435.311	4.258.282.944
Lỗi chênh lệch tỷ giá	957.367.223	627.691.201
Lãi tiền vay	1.908.076.193	728.487.294
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.437.878.727</u></b>	<b><u>5.614.461.439</u></b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)</i>
		VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>80.986.863.355</b>	<b>62.171.761.155</b>
Chi phí nhân viên	53.154.133.517	41.206.295.469
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo	13.618.004.219	9.610.186.117
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.840.743.836	9.317.500.091
Chi phí khấu hao và hao mòn	521.378.118	344.567.937
Chi phí khác	2.852.603.665	1.693.211.541
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>23.583.479.442</b>	<b>17.777.514.510</b>
Chi phí nhân viên	11.906.256.664	8.482.087.558
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.621.991.126	6.867.739.093
Chi phí khấu hao và hao mòn	382.046.466	376.658.455
Chi phí khác	4.673.185.186	2.051.029.404
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>104.570.342.797</u></b>	<b><u>79.949.275.665</u></b>

**27. THU NHẬP KHÁC**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)</i>
		VND
Xử lý hàng tồn kho thừa sau kiểm kê	823.281.641	782.145.121
Khác	366.700.318	179.969.069
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.189.981.959</u></b>	<b><u>962.114.190</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)
		VND
Giá vốn hàng hóa	220.056.745.479	191.520.681.084
Chi phí nguyên vật liệu	149.625.574.003	138.099.111.298
Chi phí nhân viên	88.410.406.592	56.506.776.559
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.869.289.534	34.287.327.404
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11 và 12)	3.754.546.243	3.193.091.408
Chi phí khác	10.851.122.873	6.393.371.318
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>514.567.684.724</u></b>	<b><u>430.000.359.071</u></b>

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**29.1 Chi phí thuế TNDN**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)
		VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>10.138.576.284</u>	<u>9.400.148.649</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)
		VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>49.470.231.736</u></b>	<b><u>46.891.147.552</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	9.894.046.347	9.378.229.510
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	272.849.937	55.199.139
Chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại	<u>(28.320.000)</u>	<u>(33.280.000)</u>
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>10.138.576.284</u></b>	<b><u>9.400.148.649</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Aikya	Công ty mẹ cao nhất
Công ty Cổ phần Dược Aikya	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học Y tế	Công ty đồng sở hữu bởi Công ty mẹ cao nhất
Công ty Cổ phần Dược S.Pharm	Công ty đồng sở hữu bởi Công ty mẹ cao nhất
Bà Nguyễn Thu Hương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty mẹ (từ nhiệm ngày 9 tháng 9 năm 2022)
Công ty Cổ phần Phân phối Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế Aikya	Công ty đồng sở hữu bởi Công ty mẹ cao nhất

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)</i>
Công ty Cổ phần Aikya	Cho vay	22.000.000.000	5.500.000.000
	Lãi cho vay	3.488.145.338	2.520.907.335
	Thu hồi nợ vay	-	2.000.000.000
	Sử dụng dịch vụ	-	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Dược Aikya	Sử dụng dịch vụ	3.200.000.000	-
	Cổ tức đã trả	-	14.107.413.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học Y tế	Bán hàng	10.730.082.446	9.289.048.773
	Mua hàng	4.995.495.267	8.256.243.858
Công ty Cổ phần Dược S.Pharm	Bán hàng	10.445.973.600	11.405.200.154
	Mua hàng	1.574.538.977	4.448.275.293
Bà Nguyễn Thu Hương	Trả nợ vay	-	1.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		VND	
Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Aikya	Cho vay	110.537.609.365	88.537.609.365
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Dược S.Pharm	Bán hàng	934.345.134	4.866.472.076
Công ty Cổ phần Dược phẩm và sinh học Y tế	Bán hàng	929.709.375	986.163.136
		<b>1.864.054.509</b>	<b>5.852.635.212</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Aikya	Trả trước cho hợp đồng nghiên cứu sản phẩm	10.900.000.000	10.900.000.000
	Trả trước mua nguyên vật liệu	3.400.000.000	3.400.000.000
		<b>14.300.000.000</b>	<b>14.300.000.000</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>			
Công ty Cổ phần Aikya	Lãi cho vay	4.030.344.606	542.199.268
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Dược Aikya	Mua hàng	1.320.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học Y tế	Mua hàng	638.344.692	-
		<b>1.958.344.692</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

	<i>Chức vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)</i>
Ông Hà Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT kiêm TGD	1.086.157.104	679.000.000
Ông Nguyễn Đức Hải	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	916.500.000	442.282.384
Ông Trần Thái Tùng	Thành viên HĐQT (từ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023)	240.000.000	160.000.000
Ông Trần Lê Nam	Thành viên HĐQT	20.000.000	-
Ông Sơn Cao Thắng	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2022)	-	138.869.597
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	657.827.759	512.147.219
Ông Nguyễn Văn Tâm	Phó Tổng Giám đốc	596.997.324	251.897.869
Ông Nguyễn Thành Sĩ	Phó Tổng Giám đốc	346.342.809	236.642.458
Bà Nguyễn Thị Hồng Cẩm	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	580.913.691	336.916.765
Ông Mai Văn Sáu	Trưởng Ban Kiểm soát	14.000.000	-
Ông Hàng Phúc Lâm	Trưởng Ban Kiểm soát (từ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2022)	-	97.000.000
Bà Dương Thu Hương	Thành viên Ban Kiểm soát (từ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023)	127.000.000	8.000.000
Ông Lê Văn Khởi	Thành viên Ban Kiểm soát	136.000.000	64.000.000
Bà Lê Thị Tuyết Mai	Thành viên Ban Kiểm soát	8.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>4.729.738.687</u></b>	<b><u>2.926.756.292</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động***

Công ty hiện đang thuê nhà kho và nhà cho các nhân viên theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Đến 1 năm	1.047.000.000	977.488.885

***Các cam kết liên quan đến các hoạt động đầu tư xây dựng***

Công ty đã ký kết các hợp đồng liên quan đến việc đầu tư xây dựng nhà máy Dược phẩm GMP-EU và dự án cụm Công nghiệp Tân Ngại. Tổng số vốn cam kết theo các hợp đồng này tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 92.018.099.068 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 29.398.676.144 VND).

**32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Nguyễn Thị Hồng Cẩm  
Người lập/Kế toán trưởng



Hà Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023